TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2025/DS- ST
Ngày 04 tháng 03 năm 2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Ngọc Trung, ông Nguyễn Văn Mừng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q ;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường - Kiểm sát viên;

Vào ngày 04 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2024/TLST- DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐST- DS ngày 21/01/2025; Quyết định Hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐHST- DS ngày 18/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam (AGRIBANK).

Địa chỉ liên hệ: ……..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Bá G - Phó Giám đốc - Chi nhánh huyện Q , tỉnh T .

(vắng mặt tại phiên tòa có lý do)

CCCD số: 038.086.011.154 cấp ngày 20 tháng 09 năm 2021

Địa chỉ: phố Bá Lộc, xã T , huyện B , tỉnh T

(Theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNNo-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng AGRIBANK và Giấy ủy quyền lập ngày 18 tháng 09 năm 2024 tại Ngân hàng AGRIBANK - Chi nhánh Quan Hóa)

Các Bị đơn:

1, Chị Hà Thị T - Sinh năm: 1979 (vắng mặt không lý do)

CCCD số: 038.179.009.682 cấp ngày 14 tháng 12 năm 2021

2, Anh Hà Văn L - Sinh năm: 1976 (vắng mặt có lý do và có ý kiến xin xét xử vắng mặt)

CCCD số: 038.076.010.204 cấp ngày 07 tháng 01 năm 2022

3, Chị Hà Tiểu Y - Sinh năm: 2000 (vắng mặt không có lý do)

CCCD số: 038.300.019.068 cấp ngày 15 tháng 12 năm 2021

Đều có địa chỉ: bản Sại, xã P, huyện Q, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 20 tháng 09 năm 2024; cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày:

Căn cứ và Giấy đề nghị vay vốn và nhu cầu thực tế, Ngân hàng đã đồng ý cho các ông/bà: Hà Thị T, Hà Văn L, Hà Tiểu Y (đều có địa chỉ: bản Sại, xã P, huyện Q, tỉnh Thanh H - lần lượt là vợ, chồng, con trong gia đình) vay vốn. Ngày 10 tháng 08 năm 2022, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q; các ông/bà Hà Thị T, Hà Văn Lu, Hà Tiểu Y đã kí kết Hợp đồng ủy quyền vay vốn có nội dung: Ông Hà Văn L, chị Hà Tiểu Y đồng ý ủy quyền cho chị Hà Thị T là người đại diện cho những người trên xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn và đảm bảo tiền vay tại Agribank - Chi nhánh Quan Hóa. Trường hợp Agribank nơi cho vay phải tiến hành xử lý thu hồi nợ (bao gồm cả xử lý tài sản bảo đảm nếu có) để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bên ủy quyền cam kết tự nguyện bàn giao tài sản cho Ngân hàng Agribank được toàn quyền thu giữ và xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Hợp đồng ủy quyền vay vốn nêu trên có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P .

Ngày 10 tháng 08 năm 2022, chị Hà Thị T (thay mặt các đồng Bị đơn khác) kí kết Hợp đồng tín dụng số 3523-LAV-20220.1254 với Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Q ; theo đó Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho các Bị đơn với nội dung cụ thể:

+ Số tiền cho vay: 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng);

+ Mục đích vay vốn: Trồng, chăm sóc rừng luồng;

+ Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày vay;

+ Lãi xuất tại thời điểm cho vay: 10 %/năm. Lãi xuất quá hạn được thỏa thuận bằng 150% lãi xuất trong hạn.

+ Biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng: Không

Ngày 01/04/2024, Ngân hàng có Thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay từ 10%/năm thành 11%/năm, áp dụng kể từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/12/2024; căn cứ thỏa thuận tại Điều 2.1.a Hợp đồng tín dụng nêu trên

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 03/03/2023, Ngân hàng phát hiện chị Hà Thị T phát sinh khoản nợ xấu nhóm 2 đối với khoản vay tại tổ chức tín dụng

khác. Ngân hàng đã tiến hành làm việc với chị T và chị T cam kết sẽ thanh toán khoản nợ trên trong tháng 04/2023.

Đến ngày 28/08/2023 thì các Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã Thông báo về việc chuyển nợ quá hạn, Thông báo thu hồi nợ quá hạn đến các Bị đơn nhưng các Bị đơn vẫn không có thiện chí khắc phục vi phạm hợp đồng. Do đó, ngày 20 tháng 09 năm 2024, Ngân hàng đã làm Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa đề nghị Tòa án giải quyết buộc các Bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng và có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng số tiền cụ thể:

+ Số nợ gốc: 120.000.000đ *(một trăm hai mươi triệu đồng)*

+ Số nợ lãi (tạm tính đến ngày 20/09/2024): 21.065.753đ *(hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng)*

Tổng cộng là: **141.065.753đ** *(một trăm bốn mươi mốt triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng)*

Đồng thời, Ngân hàng còn yêu cầu các Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày làm Đơn khởi kiện cho đến khi trả hết nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng đã kí kết.

Lời khai của Bị đơn anh Hà Văn L : Anh L thừa nhận gia đình anh có vay số tiền 120.000.000đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*) để trồng và chăm sóc rừng theo Hợp đồng tín dụng phía Ngân hàng cung cấp là đúng; thừa nhận anh có ủy quyền cho chị T làm việc với Ngân hàng và các thành viên trong gia đình đều kí tên vào Hợp đồng ủy quyền vay vốn. Anh cam kết sẽ thông báo cho các Bị đơn khác trong thời gian sớm nhất. Anh xác nhận vẫn có trách nhiệm trả nợ đối với Ngân hàng. Tuy nhiên, anh đề nghị khi nào chị T về sẽ chia đôi số nợ này và mỗi bên sẽ chịu một nửa.

Kết quả xác minh tại Công an xã Phú Lệ thể hiện: Các Bị đơn trong vụ án hiện đều có đăng kí hộ khẩu thường trú tại: bản Sại, xã P , huyện Q , tỉnh T . Hiện chỉ có bà Hà Văn L sinh sống tại địa chỉ trên; còn chị Hà Tiểu Y đã đi lấy chồng, chị Hà Thị T đã đi khỏi địa phương, không rõ địa chỉ cụ thể

Quan điểm của Viện Kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót, vi phạm gì;

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 288, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Các Bị đơn phải chịu án phí dân

sự sơ thẩm; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu, xem xét, đánh giá toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] *Xét quan hệ tranh chấp:* Các Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các Bị đơn trả số tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng (là một loại hợp đồng dân sự). Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét điều kiện và thời hiệu khởi kiện:*

+ Ngày 03/03/2023, Ngân hàng phát hiện Bị đơn chị T có phát sinh khoản nợ xấu nhóm II đối với khoản vay tại tổ chức tín dụng khác (bl 32). Theo thỏa thuận tại Điều 9.7.b Hợp đồng tín dụng, đây là trường hợp người vay vi phạm hợp đồng và Ngân hàng có thể thu hồi nợ trước hạn. Tuy nhiên, tại văn bản Phương án xử lý thu hồi khoản cấp tín dụng có vấn đề (bl 39 - 40); Ngân hàng đã chủ động đề xuất Chi nhánh cấp trên xem xét chuyển khách hàng quay về nhóm nợ bình thường, và không áp dụng các biện pháp thu hồi, xử lý nợ với các Bị đơn. Điều này chứng minh ý chí đơn phương của Ngân hàng (là bên có quyền) không muốn chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn. Do đó, thời điểm 03/03/2023 không được coi là thời điểm phát sinh tranh chấp và tính thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 154 BLDS.

+ Do đó, Hội đồng xét xử lấy thời điểm các Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 28/08/2023 là thời điểm phát sinh quyền khởi kiện của các Nguyên đơn. Như vậy, vụ án được giải quyết trong thời hiện khởi kiện theo quy định tại điều 429 BLDS 2015; không phát sinh quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của Bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS.

[3] *Xét thẩm quyền giải quyết vụ án*: Các Bị đơn đều có nơi cư trú tại bản Sại, xã P, huyện Q, tỉnh T. Tại Biên bản làm việc do Ngân hàng lập ngày 20/06/2024 (trước thời điểm khởi kiện), Công an xã Phú Lệ xác nhận Bị đơn chị Hà Thị Tđã đi khỏi địa phương (bl 42). Việc chị T đi khỏi địa phương nhưng không thông báo cho Nguyên đơn được biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; đây là trường hợp Bị đơn cố tình trốn tránh, che dấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa vẫn tiếp tục thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

[4] *Xét tư cách tham gia tố tụng của các Bị đơn:* Hợp đồng ủy quyền vay vốn lập ngày 10/08/2022 giữa các Bị đơn với nhau có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo điểm c khoản 1 Điều 91 BLTTDS. Bị đơn anh Liệu khai có ủy quyền cho chị T vay vốn phục vụ việc trồng, chăm sóc rừng luồng của gia đình và xác nhận chị T , chị Y và anh cùng kí tên trên Hợp đồng ủy quyền vay vốn (bl 54-55). Như vậy, chứng minh việc chị T đứng tên vay vốn Ngân hàng là để phục vụ lợi ích và nhu cầu chung của các thành viên gia đình, các thành viên khác trong gia đình đều biết và đồng ý. Hợp đồng ủy quyền vay vốn do đó được giao kết tự nguyện, hợp pháp và có giá trị pháp lý. Từ đó, căn cứ khoản 3 Điều 68 BLTTDS, Điều 288 BLDS; cần xác định anh Hà Văn Liệu, chị Hà Thị T , chị Hà Tiểu Y đều là các đồng Bị đơn trong vụ án.

[5] *Xét việc vắng mặt của các đương sự:* Bị đơn anh Hà Văn L , người đại diện của Nguyên đơn ông Hoàng Bá G có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. TAND huyện Q đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các Bị đơn chị T , chị Tiểu Y theo đúng quy định nhưng các chị vẫn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ quy định tại Điều 227, 233, 238 BLTTDS; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án:

[6] *Xét việc giao kết hợp đồng tín dụng:* Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn và nhu cầu thực tế của các Bị đơn, vào ngày 10 tháng 08 năm 2022, Nguyên đơn và các Bị đơn đã kí kết Hợp đồng tín dụng số 3523-LAV-20220.1254 với Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Quan Hóa; theo đó Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho các Bị đơn với nội dung cụ thể:

+ Số tiền cho vay: 120.000.000đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*);

+ Mục đích vay vốn: Trồng, chăm sóc rừng luồng;

+ Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày vay;

+ Lãi xuất tại thời điểm cho vay: 10 %/năm. Lãi xuất quá hạn được thỏa thuận bằng 150% lãi xuất trong hạn.

+ Biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng: Không

Hợp đồng trên được giao kết tự nguyện, hợp pháp; có nội dung phù hợp với lời khai các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác nên có giá trị pháp lý và được pháp luật bảo vệ.

[6] *Xét việc thực hiện hợp đồng:* Đến ngày 28/08/2023, các Bị đơn không tiếp tục trả gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Căn cứ Điều 278, 280, 282 BLDS; thì hành vi trên của các Bị đơn là vi phạm hợp đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc các Bị đơn tiếp tục trả gốc và lãi là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về lãi suất:* Lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (tại thời điểm kí kết) là 10%. Các Bị đơn phải chịu lãi quá hạn (với mức lãi suất bằng 150% lãi xuất trong hạn, tương đương 15 %) kể từ ngày vi phạm hợp đồng (ngày 28/04/2024) là phù hợp với quy đinhn tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 BLDS và thỏa thuận của các bên tại Điều 2.1 Hợp đồng tín dụng

[8] *Về nghĩa vụ liên đới:* Anh Hà Văn L có ý kiến anh đồng ý trả nợ cho Ngân hàng; nhưng đến khi nào chị T về vợ chồng anh sẽ thỏa thuận chia đôi đối với số nợ trên và anh có trách nhiệm trả một nửa số nợ (bl 53). Xét thấy, tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định:

" Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập…"

Anh Hà Văn L và chị Hà Thị T hiện tại vẫn là vợ chồng hợp pháp; do đó, anh chị phải có nghĩa vụ liên đới đối với các khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó, ý kiến của anh L là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận

[9] *Về nghĩa vụ trả nợ:* Từ những phân tích trên, căn cứ quy định tại Điều 288, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; xét thấy yêu cầu khởi kiện của các Nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Các Bị đơn chị Hà Thị T , chị Hà Tiểu Y , anh Hà Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Nguyên đơn Ngân hàng AGRIBANK, cụ thể:

+ Số tiền gốc: 120.000.000đ *(một trăm hai mươi triệu đồng)*

+ Tổng số lãi phải thu trong hạn (tạm tính từ ngày 10/08/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/03/2025): 33.706.849đ *(ba mươi ba triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng)*

+ Tổng số lãi phải thu quá hạn (tạm tính từ ngày 29/08/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/03/2025): 2.935.521đ *(hai triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng năm trăm hai mươi mốt đồng).*

+ Trừ đi số lãi đã thu là: 6.673.972đ *(sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).*

Tổng cộng là: **149.968.398đ** *(một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm chín mươi tám đồng).*

Đồng thời, các Bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/03/2025) cho đến khi các Bị đơn trả hết gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng

Về án phí các vấn đề khác trong vụ án:

[11] *Về án phí:* Căn cứ Điều 146, 147 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Bị đơn phải liên đới chịu mức án phí có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

[13] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự vắng mặt có lý do có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ; các đương sự vắng mặt không lý do có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 68, khoản 1 Điều 92, Điều 227, 233, 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân & Gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 154, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 278, 280, 282, 288, khoản 5 Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

1. *Về nghĩa vụ trả nợ:* Buộc các đồng Bị đơn chị Hà Thị T, anh hà Văn L , chị Hà Tiểu Y có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Nguyên đơn số tiền nợ cụ thể:

+ Tiền gốc: 120.000.000đ *(một trăm hai mươi triệu đồng)*

+ Tiền lãi (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là: 29.968.398đ *(hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm chín mươi tám đồng)*

Tổng cộng: **149.968.398đ** *(một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm chín mươi tám đồng)*

Các Bị đơn còn phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, theo mức lãi xuất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3523-LAV-20230.1714 ngày 15/11/2023

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. *Về án phí:*

+ Các Bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.498.400đ *(bảy triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng)*

+ Trả lại cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số BLTU/23: 0006553 ngày 08 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q là: 3.526.000đ *(ba triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng)*

3. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự. Nguyên đơn, Bị đơn anh Hà Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Các Bị đơn chị Hà Thị T , chị Hà Tiểu Y có có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án/.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Quan Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- Lưu HSVA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thanh